

Bản án số: 98/2024/HS-PT
Ngày: 01 - 02 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 754/2023/TLPT-HS ngày 05 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo Phạm Thị Ngọc T, Phạm Thị V, Võ Phước H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 123/2023/HS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/Phạm Thị Ngọc T, Giới tính: Nữ, T1 gọi khác: Không; Sinh ngày 13/11/1985 tại Tây Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nguyên Phó Phòng Dịch vụ khách hàng và ngân quỹ tại ngân hàng H4 – Phòng G; Thường trú: Khu phố C, phường B, Thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: T4-B16.10 Chung cư M, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Con ông Phạm Hồng T2 và bà Phạm Thị H1. Bị cáo có chồng (đã ly hôn) và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (vắng mặt);

2/Phạm Thị Vân, Giới tính: Nữ, T1 gọi khác: Không Sinh ngày 26/7/1987 tại tỉnh Bình Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nguyên Thủ quỹ tại ngân hàng H4 – Phòng G; Nơi cư trú: 10/24/9 đường D, khu phố F, phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Con ông Phạm C và bà Huỳnh Thị L; Bị cáo có chồng và 02 con (lớn sinh năm 2016 nhỏ sinh năm 2020). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt);

3/Võ Phước Hiền, Giới tính: Nam, Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 15/5/1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Nguyên Giao dịch viên ngân hàng H4 – Phòng G; Nơi cư trú : A K, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Con ông Võ Thiện T3 và bà Phan Thị Y; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt);

- *Người bào chữa:*

1/Bào chữa cho các bị cáo Phạm Thị Ngọc T, Phạm Thị V theo yêu cầu: Luật sư Lê Quang L1 – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

2/Bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Ngọc T theo yêu cầu: Luật sư Đinh Thị N – Đoàn luật sư thành phố H (vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa).

- *Bị hại có kháng cáo:* Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H (H5);

Địa chỉ: B Bis N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Thanh T4 (có mặt);

- *Bị cáo có liên quan đến yêu cầu kháng cáo của bị hại:* Nguyễn Thị Minh Q, Giới tính: Nữ, T1 gọi khác: Không; Sinh ngày 14/4/1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Nguyên giao dịch viên ngân hàng H4 – Phòng G; Thường trú: G Hồ N, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 4 P, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Con ông Nguyễn Văn N1 và bà Trần Kim Á; Bị cáo có chồng và 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có 03 bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Minh Q là Nhân viên giao dịch tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H (viết tắt H4) – Phòng G, địa chỉ: B T, phường B, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Q có nhiệm vụ: Thực hiện các giao dịch nghiệp vụ liên quan đến cung cấp sản phẩm; Thực hiện thu, chi tiền mặt, ngoại tệ, vàng; Thực hiện nghiệp vụ và quản lý tài khoản tiền gửi, sổ tiết kiệm; Hạch toán thu vốn, lãi vay ..., thu phí dịch vụ từ tài khoản khách hàng theo biểu phí của H4 ban hành, và các nghiệp vụ khác. Quá trình làm việc tại Ngân hàng, lợi dụng nhiệm vụ được giao là quản lý và thực hiện giao dịch có liên quan đến các sổ tiết kiệm do khách hàng mở gửi tại Phòng G, Q đã lập khống nhiều chứng từ rút tiền, ký giả chữ ký của khách hàng để rút tiền.

Việc rút tiền từ các sổ tiết kiệm trên, Q thực hiện bằng 02 hình thức: Rút trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản đến các tài khoản khác để rút ra, cụ thể:

- Đối với hình thức rút tiền mặt: Q lập chứng từ giả chữ ký khách hàng, sau đó Q trình Kiểm soát viên ký chứng từ và nhận tiền trực tiếp tại Ngân hàng. Tiền nhận được, Q nộp hoặc nhờ đồng nghiệp nộp vào tài khoản số 068704070140868 của Q mở tại Ngân hàng H4 (tài khoản lương của Q) và tài khoản số 082704070004110, đứng tên Nguyễn Thị Minh Q, mở tại Ngân hàng H4 – Phòng G1.

- Đối với hình thức rút bằng cách chuyển khoản tiền đến tài khoản khác, Q lập chứng từ rút tiền đề nghị chuyển tiền đến các tài khoản số 7901397, đứng tên Trần Thị Diễm T5, mở tại Ngân hàng A – Chi nhánh H6 và tài khoản số 0251002753523, đứng tên Nguyễn Trần Minh V1, mở tại Ngân hàng V2 – Chi nhánh Thành phố H6.

- Theo Quy trình gửi và rút tiết kiệm số 1697/2013/QT-TGD ngày 26/11/2013 và Quyết định số 2645/QĐ-TGD của Tổng giám đốc Ngân hàng H4 về việc quy định hạn mức giao dịch của giao dịch viên Ngân hàng H4, giao dịch viên được thực hiện các giao dịch 50 triệu đồng không cần qua sự phê duyệt của Kiểm soát viên. Đối với các giao dịch chi trên 50 triệu đồng phải do Kiểm soát viên duyệt trên hệ thống máy tính, kiểm tra chứng từ tài liệu và thông tin giao dịch trước khi phê duyệt (theo Quy định về phê duyệt giao dịch chi tiền mặt, lệnh chuyển tiền vượt hạn mức tại đơn vị kinh doanh số 518/2016/QĐ-TGD ngày 19/8/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng H4). Ngân hàng H4 quy định, hướng dẫn rõ về quy trình phê duyệt giao dịch nhưng thực tế tại Phòng giao dịch Đông S, tất cả các giao dịch rút tiền, Kiểm soát viên không xem xét kỹ duyệt chứng từ, kiểm tra thông tin người rút tiền để ký chứng từ trước khi thực hiện giao dịch mà chỉ duyệt trên hệ thống máy tính để giao dịch viên in chứng từ ra. Giao dịch viên tự ký chứng từ cùng khách hàng và thực hiện chi tiền. Sau đó, cuối tuần hoặc cuối tháng, khi Kiểm soát viên và Thủ quỹ có thời gian sẽ tập hợp toàn bộ các chứng từ này để ký một lần.

Từ sự lỏng lẻo trong việc quản lý, ký chứng từ của Kiểm soát viên, việc không thực hiện đúng quy trình theo quy định của Ngân hàng đã tạo điều kiện để Nguyễn Thị Minh Q lợi dụng lập khống nhiều chứng từ rút tiền từ 12 sổ tiết kiệm của 11 khách hàng, chiếm đoạt tổng số tiền 4.405.169.545 đồng của Ngân hàng H4. Trong đó, Q tự thực hiện 29 giao dịch trong hạn mức để chiếm đoạt tổng số tiền 1.014.843.243 đồng từ các tài khoản sổ tiết kiệm của 08 khách hàng và thực hiện 09 lần rút tiền vượt hạn mức nhưng các kiểm soát viên gồm: Nguyễn Ngọc Ái Q1, Phạm Thị Ngọc T, Dương Hồng N2 và Tô Thị Thúy H2 vẫn phê duyệt (trên hệ thống máy tính) ký bổ sung chứng từ để Q1 rút chiếm đoạt tiền của Ngân hàng với số tiền 3.390.539.179 đồng. Phạm Thị V là Thủ quỹ, mặc dù không thực hiện việc chi tiền nhưng vẫn ký hợp thức hóa bỏ phiếu chi và nhân viên giao dịch Võ Phước H hỗ trợ Q1 thực hiện các giao dịch rút tiền khi không có hồ sơ, không có khách hàng đến giao dịch, tạo điều kiện giúp Q1 chiếm đoạt tiền của Ngân hàng H4.

Kết quả điều tra đã xác định hành vi sai phạm của từng bị cáo như sau:

1/Nguyễn Thị Minh Quyên: Là giao dịch viên tại ngân hàng H5- Phòng G từ tháng 12/2018, bị cáo có nhiệm vụ tiếp xúc khách hàng thực hiện các giao dịch mở tài khoản, mở thẻ, nộp tiền mặt, rút tiền mặt, mở sổ tiết kiệm, rút tiền từ sổ tiết kiệm, cho vay theo sổ tiết kiệm. Trong quá trình làm việc, khi phát hành sổ tiết kiệm cho khách hàng, bị cáo đã photo lại sổ để lưu giữ riêng để khi có nhu cầu rút tiền để sử dụng, bị cáo lựa chọn các sổ tiết kiệm có thời gian đáo hạn xa, đồng thời bị cáo rút dưới 50 triệu đồng để tránh không phải thông qua việc phê duyệt của kiểm soát viên. Từ hệ thống Branch teller của ngân hàng, bị cáo nhập tài khoản, thông tin của khách hàng và số tiền tương ứng thì phần mềm sẽ in ra một giấy rút tiết kiệm, sau đó từ hệ thống lưu trữ bị cáo xem chữ ký của khách hàng rồi giả chữ ký khách hàng ký tên vào chỗ chủ sở hữu, ký tên bị cáo vào chỗ giao dịch viên. Bị cáo sử dụng bản photo đã lưu trữ từ trước để cập nhật thông tin giao dịch rút tiền vào bản photo này. Sau khi ký chứng từ bị cáo lấy số tiền tương ứng từ quỹ giao dịch hàng ngày (đây là tiền mà giao dịch viên được cấp để thực hiện các giao dịch trong hạn mức hàng ngày). Giấy rút tiết kiệm và bản photo sổ tiết kiệm được bị cáo tập hợp cùng các chứng từ khác trong ngày để phục vụ đối chiếu, kiểm quỹ cuối ngày và lưu trữ. Theo đó, từ ngày 17/1/2019 đến 19/12/2019 Nguyễn Thị Minh Q đã có hành vi gian dối thực hiện các giao dịch rút tiền từ 12 sổ tiết kiệm của 11 khách hàng, chiếm đoạt tổng cộng 4.405.382,422 đồng của ngân hàng H5.

2/Phạm Thị Ngọc T: Phó Phòng Dịch vụ khách hàng và ngân quỹ tại Ngân hàng H4 – Phòng G kiêm Kiểm soát viên thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 02/2020. Nhiệm vụ cụ thể: Kiểm soát, phê duyệt các chứng từ vượt hạn mức của Giao dịch viên; Chăm sóc khách hàng; Huy động vốn và làm các báo cáo định kỳ và theo sự chỉ đạo của cấp trên. Phạm Thị Ngọc T sử dụng user ID TP_TOANPTN thực hiện quyền kiểm soát trên hệ thống máy tính 06 giao dịch, cụ thể:

- Ngày 22/01/2019, T thực hiện duyệt trên hệ thống máy tính giao dịch rút tiền mặt số tiền 128.000.000 đồng từ tài khoản thanh toán của khách hàng Lê Cao KKhôi.

- Ngày 25/02/2019, T thực hiện kiểm soát duyệt trên hệ thống máy tính giao dịch rút vốn sổ tiết kiệm số tiền 150.031.644 đồng của khách hàng Trương Thị Bảo K1.

- Ngày 13/3/2019, T thực hiện kiểm soát duyệt giao dịch rút một phần vốn sổ tiết kiệm chuyển qua tài khoản thanh toán của khách hàng Trương Thị Bảo K1 rồi chuyển tiếp ra ngoài qua tài khoản khác số tiền 350.181.233 đồng.

- Ngày 19/12/2019, T duyệt trên hệ thống máy tính giao dịch nộp tiền mặt số tiền 550.000.000 đồng của khách hàng Mai Thị K2 (giao dịch này chưa gây thiệt hại cho ngân hàng).

- Ngày 20/11/2019, T thực hiện duyệt trên hệ thống giao dịch rút một phần vốn chuyển qua tài khoản thanh toán của khách hàng Trần Lê Anh D số tiền 850.000.000 đồng.

- Giao dịch rút vốn sổ tiết kiệm số tiền 300.644.384 đồng của khách hàng Ngô Quang H3 ngày 18/9/2019, T xác nhận user ID TP_TOANPTN tại vị trí “Kiểm soát” trên giấy báo nợ số TL_HD0116 ngày 18/9/2019 là user ID của T được Ngân hàng H4 cấp. Đối với giao dịch này, trên chứng từ gốc do Ngân hàng H4 cung cấp không có chữ ký duyệt của T.

Đối với các giao dịch nêu trên, T không thực hiện đúng quy trình phê duyệt rút một phần vốn sổ tiết kiệm chuyển ủy nhiệm chi tại ngân hàng H4 Phòng giao dịch Đông S so với quy định, quy trình của ngân hàng H4, cụ thể: Toan không xác nhận, kiểm tra xem thực tế khách hàng có đến tại quầy ngân hàng để yêu cầu thực hiện giao dịch không; trước khi duyệt trên hệ thống máy tính một giao dịch phải kiểm tra hồ sơ, chứng từ rồi mới duyệt nhưng T lại duyệt trên hệ thống máy tính trước bỏ qua việc kiểm tra hồ sơ, chứng từ. Do tin tưởng Nguyễn Thị Minh Q và Võ Phước H nên T đã làm sai quy định của ngân hàng làm thiệt hại cho ngân hàng số tiền 1.778.857.261 đồng.

3/Phạm T: Thủ quỹ tại Ngân hàng H5 – Phòng G do tin tưởng Nguyễn Thị Minh Q, V đã thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ được giao. Quy trình để thu, chi tiền tại Phòng G được thực hiện như sau: Giao dịch viên được thu trực tiếp tiền mặt của khách hàng là 100.000.000 đồng và chi trực tiếp tiền mặt cho khách hàng là 50.000.000 đồng. Nếu số tiền thu vượt quá hạn mức 100.000.000 đồng và số tiền chi vượt quá hạn mức 50.000.000 đồng thì sẽ chuyển qua thủ quỹ chi. Theo quy định, đối với các giao dịch thu, chi tiền mặt trong ngày của từng Giao dịch viên đều thể hiện trên hệ thống máy tính của Ngân hàng, thủ quỹ phải kiểm tra từng giao dịch thu/chi trong ngày của từng Giao dịch viên sau đó mới chốt tổng số tiền cuối ngày trên hệ thống. Cuối ngày, các Giao dịch viên sẽ kiểm quỹ, sau khi kiểm quỹ xong sẽ niêm phong thùng tiền lại, chuyển trả thùng tiền lại cho thủ quỹ và trả lại tiền mặt đã kiểm quỹ thực tế trước đó đúng với số tiền đã niêm phong trên hệ thống. Sáng đầu ngày, V mở kho và xuất các thùng tiền cho các Giao dịch viên cộng với quỹ của thủ quỹ (khi nào Giao dịch viên xin số quỹ cuối ngày hôm trước thì V mới duyệt trên hệ thống rồi mới giao cho Giao dịch v). Nếu số tiền chi vượt quá hạn mức của Giao dịch viên, Giao dịch viên sẽ gọi điện qua thủ quỹ xin tiếp quỹ. Trước khi xin tiếp quỹ, Giao dịch viên phải được Kiểm soát viên duyệt thì thủ quỹ mới được duyệt tiếp quỹ cho Giao dịch viên. Sau khi thủ quỹ duyệt chi thì Giao dịch v nhận số tiền xin tiếp quỹ trên hệ thống, Giao dịch viên hạch toán xong sẽ đưa chứng từ phiếu chi và chứng minh nhân dân của khách cho Kiểm soát viên ký duyệt trên chứng từ rồi đem qua thủ quỹ xuất chi tiền mặt cho khách. Các Giao dịch viên sẽ chốt số tiền còn lại cuối ngày dựa vào số tiền thực tế và số tiền trên hệ thống của Giao dịch viên. Nếu 02 số tiền đó khớp với nhau thì sẽ báo cho thủ quỹ tiến hành kiểm quỹ của Giao dịch viên.

Khi tiền mặt tại quỹ của Giao dịch viên vượt quá 100.000.000 đồng thì Giao dịch v cũng phải báo cho thủ quỹ và nộp tiền về thủ quỹ. Tuy nhiên, thực tế, Nguyễn Thị Minh Q đã không báo cho Phạm Thị V biết và cũng không xin V tiếp quỹ, tự ý chi tiền vượt mức từ quỹ của Giao dịch v để chiếm đoạt. Sau đó,

Minh Q mới đem hồ sơ, chứng từ qua cho V ký bổ sung. Do tin tưởng Minh Q, V đã không kiểm tra, đối chiếu chứng từ, nên mặc dù không trực tiếp chi tiền cho khách hàng nhưng V vẫn ký vào các chứng từ chi tiền, hợp thức hóa cho việc chi tiền của Q, từ đó Q chiếm đoạt được tiền của Ngân hàng H4. Đồng thời, tại thời điểm đó phát sinh nhiều giao dịch thu, chi và giao dịch xác minh năng lực tài chính của khách hàng nên V không thể kiểm tra, đối chiếu từng giao dịch của từng Giao dịch viên được nên V chỉ kiểm tra, đối chiếu số tiền tổng cuối cùng của từng Giao dịch viên sau đó đối chiếu với số tiền tổng trên hệ thống của từng Giao dịch viên mà bỏ qua việc kiểm tra, đối chiếu từng giao dịch, dẫn đến việc Nguyễn Thị Minh Q lợi dụng sơ hở chiếm đoạt tiền của Ngân hàng H4DBank.

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2019 đến tháng 01/2020, Phạm Thị V thực hiện ký bổ sung chứng từ các giao dịch sau:

- Giao dịch chi số tiền 128.000.000 đồng từ tài khoản số 059704070011244, của khách hàng Lê Cao K ngày 22/01/2019.

- Giao dịch chi số tiền 150.031.644 đồng từ sổ tiết kiệm số CD02556982, của khách hàng Trương Thị Bảo K1, ngày 25/02/2019.

- Giao dịch chi số tiền 390.373.973 đồng từ sổ tiết kiệm số CD02557174, của khách hàng Nguyễn Danh M, ngày 02/5/2019.

- Giao dịch chi số tiền 100.105.479 đồng từ tài khoản sổ tiết kiệm CD02557165, của khách hàng Phan Thị T6, ngày 02/5/2019.

- Giao dịch chi số tiền 571.202.466 đồng từ sổ tiết kiệm số CD02557778, của khách hàng Ngô Quang H3, ngày 16/9/2019.

- Giao dịch chi số tiền 300.644.384 đồng từ sổ tiết kiệm số CD02557778, của khách hàng Ngô Quang H3, ngày 18/9/2019.

- Đối với giao dịch tất toán sổ tiết kiệm số CD02625708 ngày 19/12/2019 số tiền 600.000.000 đồng của khách hàng Mai Thị K2, V có ký bổ sung giấy rút tiết kiệm số TL_HD013339/21 tại vị trí Thủ quỹ. Tuy nhiên, đối với giao dịch này, sau khi tất toán sổ tiết kiệm số tiền 600.000.000 đồng thì Giao dịch viên thực hiện tiếp giao dịch chuyển khoản số tiền 550.000.000 đồng qua tài khoản khác và mở sổ tiết kiệm mới với số tiền 50.000.000 đồng. Việc chuyển tiếp số tiền 550.000.000 đồng qua tài khoản khác V không biết đến giao dịch này và trên chứng từ gốc (cụ thể là Giấy nộp tiền số TL_HD013339/19 ngày 19/12/2019 và Giấy chuyển tiền mặt ngày 19/12/2019) của Ngân hàng H4 tại vị trí Thủ quỹ không có chữ ký của V. Đồng thời, làm việc với Ngân hàng H4 cũng xác nhận giao dịch tất toán sổ tiết kiệm số CD02625708, số tiền 600.000.000 đồng của khách hàng Mai Thị K2 ngày 19/12/2019 chưa gây thiệt hại cho Ngân hàng H4.

Hành vi của Phạm Thị V đã gây thiệt hại cho Ngân hàng H4 số tiền 1.640.357.946 đồng.

4/Võ P: Làm Giao dịch viên tại Ngân hàng H4, P1 thời gian từ ngày 18/9/2018 đến tháng 8/2020. Do H và Nguyễn Thị Minh Q là đồng nghiệp thân nhau nên trong thời gian Q nghỉ thai sản, Q có nhờ H và được H đồng ý làm thủ tục thực hiện 02 giao dịch, cụ thể:

- Ngày 20/11/2019, H làm thủ tục thực hiện giao dịch rút tiền từ sổ tiết kiệm của khách hàng Trần Lê Anh D1 số tiền 850.000.000 đồng để chuyển khoản đến tài khoản số 7901397 mang tên Trần Thị Diễm T5, mở tại ngân hàng A - Chi nhánh H6. Do giao dịch vượt quá hạn mức của Giao dịch viên nên H đem hồ sơ qua Kiểm soát viên Phạm Thị Ngọc T duyệt kiểm soát trên hệ thống máy tính.

- Ngày 19/12/2019, H làm thủ tục thực hiện giao dịch chuyển khoản số tiền 550.000.000 đồng từ sổ tiết kiệm của khách hàng Mai Thị K2 sang tài khoản số 0251002753523 mang tên Trang Vĩnh Nghiêm P, mở tại ngân hàng V2 – Chi nhánh H6. Do giao dịch vượt quá hạn mức của Giao dịch viên, H đem hồ sơ qua Kiểm soát viên Nguyễn Ngọc Ái Q1 duyệt kiểm soát trên hệ thống máy tính.

Theo quy định của Ngân hàng, trước khi thực hiện một giao dịch bắt buộc phải có khách hàng thực tế tại quầy yêu cầu thực hiện giao dịch. Tuy nhiên, do H tin tưởng Minh Q nên mặc dù biết không có khách hàng thực tế đến yêu cầu thực hiện giao dịch nhưng H vẫn đồng ý giúp Q thực hiện các giao dịch trên và ký tên của H vào phần Giao dịch viên trên các chứng từ chi tiền. Bị cáo đã thực hiện không đầy đủ quy định về quy trình gửi và rút tiết kiệm của Ngân hàng H4 dẫn đến gây thiệt hại cho ngân hàng H4 số tiền 1.400.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 123/2023/HS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 206; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Phạm Thị Ngọc T 05 năm tù về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng” Thời hạn tù tính từ bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 3 Điều 206; điểm b, s, n khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Phạm Thị V 03 năm tù về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng” Thời hạn tù tính từ bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 3 Điều 206; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Võ Phước H 03 năm tù về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng” Thời hạn tù tính từ bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với 03 bị cáo Dương Hồng N2, Nguyễn Ngọc Ái Q1, Tô Thị Thúy H2; Bồi thường thiệt hại, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Bản án sơ thẩm bị kháng cáo như sau:

- Các bị cáo Võ Phước H, Phạm Thị Ngọc T, Phạm Thị V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H (Ngân hàng H5) kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Thị V, Võ Phước H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo Phạm Thị Ngọc T vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa. Đại diện bị hại Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H (Ngân hàng H5) xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ gì mới, mặc dù các bị cáo có nộp khắc phục thêm sau khi xét xử sơ thẩm, nhưng số tiền khắc phục chưa tương xứng với hậu quả gây ra. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với kháng cáo Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H (Ngân hàng H5) thì đại diện bị hại đã xin rút kháng cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phúc thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Thị V, Phạm Thị Ngọc T phát biểu:
Trong vụ án này, bị cáo Q1 lợi dụng tính chất công việc của bị cáo T, bị cáo V phải thường xuyên phê duyệt nhiều chứng từ, nên tin tưởng giao dịch viên mà không kiểm tra chứng từ, hành vi phạm tội của các bị cáo do vô ý không có vụ lợi, không có hưởng lợi, quá trình giải quyết vụ án tích cực khắc phục hậu quả cho ngân hàng.

Bị cáo T, bị cáo V đều đang phải nuôi con nhỏ, bị cáo T hiện là mẹ đơn thân nuôi 02 con, có cống hiến nhiều năm cho ngân hàng. Sau khi xảy ra vụ việc ngân hàng vẫn tạo điều kiện cho các bị cáo làm việc, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, công việc ổn định, đủ điều kiện được hưởng án treo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Võ Phước H trình bày: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, bị cáo làm việc tại ngân hàng từ năm 2018, từ thời điểm đó đến nay bị cáo chỉ làm công việc này, bản thân bị cáo không có vụ lợi trong vụ án này.

Đại diện của Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H (Ngân hàng H5): Các bị cáo phạm tội do tin tưởng bị cáo Q1, sau khi phạm tội đã tích cực cùng H5 khắc phục hậu quả, các bị cáo không có động cơ mục đích hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo để tiếp tục làm việc tại H5.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Thị Ngọc T và người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu (luật sư Đinh Thị N) vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa. Xét, phiên tòa được mở lần thứ 2, bị cáo Phạm Thị Ngọc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, không có ý kiến về tội danh. Bị cáo và người bào chữa đã được triệu tập đúng quy định pháp luật. Hơn nữa, người bào chữa do bị cáo yêu cầu (luật sư Lê Quang L1) có mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ngân hàng. Việc rút kháng cáo của bị hại là tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ giải quyết theo quy định tại Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Thị Ngọc T, Phạm Thị V và Võ Phước H như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị Minh Q đã lợi dụng nhiệm vụ được giao và sự không tuân thủ quy trình trong việc kiểm tra phê duyệt khi thực hiện giao dịch, khi ký chứng từ chi tiền của các bị cáo khác là Kiểm soát viên, Giao dịch viên, Thủ quỹ. Bị cáo đã nhiều lần làm giả chữ ký khách hàng thực hiện các giao dịch rút tiền từ sổ tiết kiệm, để chiếm đoạt tổng số tiền 4.405.382.422 đồng của Ngân hàng H4. Số tiền chiếm đoạt được, Q đã sử dụng hết toàn bộ.

Các bị cáo là Kiểm soát viên, Giao dịch viên, Thủ quỹ của ngân hàng H5 đã không thực hiện không đúng quy trình, không theo quy định của Ngân hàng, đã tạo điều kiện để Nguyễn Thị Minh Q lợi dụng lập không nhiều chứng từ rút tiền của Ngân hàng H4 để chiếm đoạt, trách nhiệm cụ thể của từng bị cáo được xác định như sau:

- Bị cáo Phạm Thị Ngọc T (Kiểm soát viên): Sử dụng user cá nhân để thực hiện quyền kiểm soát trên hệ thống máy tính 06 giao dịch mà không kiểm tra thực tế khách hàng có yêu cầu thực hiện giao dịch không, gây thiệt hại cho ngân hàng số tiền 1.778.857.261 đồng.

- Phạm Thị V (Thủ quỹ) đã làm sai quy trình, quy định giao dịch tại quầy của Ngân hàng H4, gây thiệt hại cho Ngân hàng H4 số tiền 1.640.357.946 đồng.

- Võ Phước H (Giao dịch viên): Bị cáo biết rõ khách hàng không có mặt tại quầy để yêu cầu thực hiện giao dịch và không có bản chính hồ sơ chứng từ chi của khách hàng nhưng vẫn làm thủ tục thực hiện 02 giao dịch và ký tên của H vào phần giao dịch viên trên các chứng từ, được Kiểm soát viên Nguyễn Ngọc Ái Q1 và Phạm Thị Ngọc T phê duyệt trên hệ thống. Sau đó, khi điện thoại cho khách hàng thì H mới phát hiện khách hàng không yêu cầu thực hiện các giao dịch này. Hành vi của bị cáo đã gây thiệt hại gây thiệt hại cho ngân hàng H4 số tiền 1.400.000.000 đồng.

Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Ngọc T, Phạm Thị V và Võ Phước H phạm tội “Vi phạm quy định về hoạt động của ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng” theo Khoản 3 Điều 206 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[4.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã cố tình không tuân thủ, thực hiện đầy đủ, đúng quy trình của ngân hàng, tạo điều kiện cho bị cáo Nguyễn Thị Minh Q chiếm đoạt tiền, gây thiệt hại cho ngân hàng. Do đó, cần thiết phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội chưa có tiền án, tiền sự; Cùng với các bị cáo khác tích cực bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho ngân hàng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo; Riêng bị cáo V phạm tội khi đang mang thai, nên được áp dụng thêm tình tiết quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thông qua các giao dịch với khách hàng, mỗi giao dịch thực hiện với một khách hàng khác nhau. Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã cộng số tiền của các lần giao dịch để xác định thiệt hại mà mỗi bị cáo đã gây ra cho ngân hàng và là cơ sở để định khung hình phạt cho các bị cáo. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 về việc: “Phạm tội 02 lần trở lên” khi xem xét hình phạt cho các bị cáo là có căn cứ.

[4.2] Xét yêu cầu kháng cáo của từng bị cáo:

- Đối với bị cáo Phạm Thị Ngọc T: Bị cáo là Phó Phòng dịch vụ khách hàng và ngân quỹ kiêm kiểm soát viên, nhưng bị cáo đã không thực hiện đúng quy trình phê duyệt rút một phần vốn sổ tiết kiệm chuyển ủy nhiệm chi tại ngân hàng đối với 06 giao dịch, gây thiệt hại 1.778.857.261 đồng. Xét, bị cáo là lãnh đạo cấp trên của bị cáo Q, nhưng không thực hiện đúng quy trình nhiệm vụ tạo điều kiện cho Q chiếm đoạt tiền. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đối

với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới so với cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Mặt khác, bị cáo bị xử phạt mức án 05 năm tù nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định pháp luật.

- Đối với bị cáo Phạm Thị V: Bị cáo V phạm tội khi đang mang thai, nên được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng quy định pháp luật. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 Điều 51, nên đủ điều kiện được áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, mức án 03 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị hại xác nhận sau khi vụ việc xảy ra thì bị cáo V vẫn tiếp tục làm việc tại Ngân hàng, đồng thời có đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo để được tiếp tục làm việc. Xét, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có công việc ổn định, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo là 03 năm tù. Căn cứ quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 thì yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo là có căn cứ được chấp nhận.

- Đối với bị cáo Võ Phước H: Bị cáo là giao dịch viên như bị cáo Q, thời điểm phạm tội bị cáo chỉ mới bắt đầu vào làm việc tại ngân hàng nên chưa có nhiều kinh nghiệm. Thiệt hại mà bị cáo gây ra cho ngân hàng cho thấp hơn bị cáo V. Tương tự như bị cáo V, ngân hàng cũng xác nhận sau khi vụ việc xảy ra, và hiện nay bị cáo vẫn đang làm việc tại ngân hàng, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là 03 năm tù. Do vậy, căn cứ theo Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 thì bị cáo cũng đủ điều kiện hưởng án treo, và để đảm bảo tính công bằng về hình phạt áp dụng đối với hành vi phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Ngọc T; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Võ Phước H, Phạm Thị V; Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo V, bị cáo H.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm:

- Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Phạm Thị Ngọc T phải chịu.
- Các bị cáo Phạm Thị V, Võ Phước H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348, điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

I/Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H (Ngân hàng H5)

II/Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Ngọc T; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị V, Võ Phước H;

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 123/2023/HS-ST ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt đối với bị cáo V, bị cáo H.

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Ngọc T, Phạm Thị V, Võ Phước H phạm tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”.

Áp dụng khoản 3 Điều 206; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Phạm Thị Ngọc T 05 (năm) năm tù về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng” Thời hạn tù tính từ bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 3 Điều 206; điểm b,s,n khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Phạm Thị V 03 (ba) năm tù về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 206; điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Võ Phước H 03 (ba) năm tù về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Nếu các bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

III/Án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Thị Ngọc T phải chịu 200.000 đồng;

Các bị cáo Phạm Thị V, Võ Phước H không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích quy định về án treo)

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Sở tư pháp TP.HCM;
- BCTN (4);
- UBND phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, TP.HCM (1);
- UBND Phường 12, Quận 6, TP.HCM (1);
- BH (1);
- Lưu (10) 27b (ÁnTTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên